

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ... Kỹ thuật lắp đặt cáp và thoát nước dân dụng

Nhóm: ...02.....

Ngày thi:20/01/2022..... Giờ thi:09:45.....

Phòng thi: ...ON32...

Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228219	1	2120050056	Trần Bá	Quốc	26/09/2002	CCQ2005B	8.0	8.0	8.0	
228219	2	2119050131	Trần Ngọc	Sinh	15/09/2001	CCQ1905D	5.6	7.0	6.4	
228219	3	2119050097	Nguyễn Tấn	Tài	09/12/2001	CCQ1905C	5.6	6.5	6.1	
228219	4	2120050058	Vũ Đức	Tài	15/10/2001	CCQ2005B	3.2	7.0	5.5	
228219	5	2120050019	Trương Chí Thanh	Quan	13/08/2001	CCQ2005A	5.4	5.0	5.2	
228219	6	2120050059	Bá Hoàng	Tân	29/09/2001	CCQ2005B	7.0	9.0	8.2	
228219	7	2120050020	Trần Ngọc	Quý	08/06/2002	CCQ2005A	8.0	9.0	8.6	
228219	8	2120050021	Phạm	Sáng	28/02/1998	CCQ2005A				Vắng
228219	9	2120050060	Huỳnh Hữu	Thái	02/06/2002	CCQ2005B	8.0	7.5	7.7	
228219	10	2120050023	Hà Thanh	Son	10/08/2002	CCQ2005A	7.9	8.0	8.0	
228219	11	2120050061	Nguyễn Minh	Ti	25/07/2001	CCQ2005B	7.8	7.0	7.3	
228219	12	2120050024	Phạm Nguyễn Tiến	Sỹ	07/10/2002	CCQ2005A	7.8	6.5	7.0	
228219	13	2120050128	Nguyễn Hoàng	Tiến	11/04/2000	CCQ2005A	5.4	8.0	7.0	
228219	14	2120050025	Võ Tấn	Tài	23/12/2002	CCQ2005A	6.0	9.0	7.8	
228219	15	2120050026	Bùi Văn	Tài	05/01/2001	CCQ2005A	7.3	8.0	7.7	
228219	16	2120050062	Phan Trọng	Tính	22/05/2002	CCQ2005B	6.0	8.0	7.2	
228219	17	2120050063	Tô Văn	Tính	27/06/2002	CCQ2005B	7.9	8.5	8.3	
228219	18	2118050193	Nguyễn Lê	Toàn	12/03/2000	CCQ1805C	5.6	8.5	7.3	
228219	19	2120050027	Bùi Văn Duy	Tân	08/12/2002	CCQ2005A	8.2	8.5	8.4	
228219	20	2120050029	Nguyễn Thiện	Thành	26/07/2000	CCQ2005A	7.6	9.0	8.4	
228219	21	2120050028	Nguyễn Thế	Tân	24/09/2001	CCQ2005A	8.0	9.0	8.6	
228219	22	2120050065	Huỳnh Minh	Trí	08/12/2002	CCQ2005B	4.6	6.0	5.4	
228219	23	2120050030	Lê Văn	Thịnh	15/06/2000	CCQ2005A	8.0	7.5	7.7	
228219	24	2120050031	Trần Diệp	Thuận	17/02/2002	CCQ2005A	7.3	7.5	7.4	
228219	25	2120050067	Trần Minh	Tú	10/08/2002	CCQ2005B	7.9	8.0	8.0	
228219	26	2120050032	Lê Thanh	Tuấn	03/07/2002	CCQ2005A	7.7	8.0	7.9	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Kỹ thuật lắp đặt cấp và thoát nước dân dụng.....

Nhóm: ...02.....

Ngày thi:20/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON32...

Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228219	27	2120050066	Nguyễn Ngọc Thanh	Tùng	17/03/2002	CCQ2005B	8.2	8.0	8.1	
228219	28	2120050068	Thiên Ngọc	Vân	02/12/2002	CCQ2005B	7.4	8.5	8.1	
228219	29	2120050069	Nguyễn Chí	Viễn	01/11/2002	CCQ2005B	5.6	8.0	7.0	
228219	30	2120050033	Nguyễn Lê Hoài	Vũ	06/07/2002	CCQ2005A	7.8	8.5	8.2	
228219	31	2120050034	Cao Văn Tuấn	Vũ	16/12/2001	CCQ2005A	7.0	8.0	7.6	

Số sinh viên có mặt: 30.....

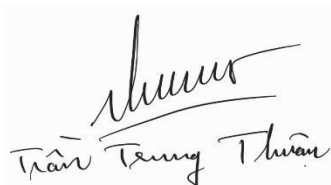
Số bài thi: 30.....

Số sinh viên vắng mặt: 01.....

Số tờ giấy thi: 30.....

Ghi chú : Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1

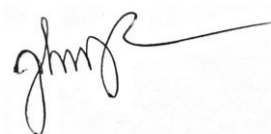


Cán bộ chấm thi 1



Mai Văn Lê

Cán bộ coi thi 2



Nguyễn Thị Lan Phương

Cán bộ chấm thi 2



Đào Thanh Tâm

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ... Kỹ thuật lắp đặt cáp và thoát nước dân dụng

Nhóm: ...02.....

Ngày thi:20/01/2022..... Giờ thi:09:45.....

Phòng thi: ...ON40...

Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228219	1	2120050002	Đinh Thành	Danh	14/09/2002	CCQ2005A	6.2	6.5	6.4	
228219	2	2119050073	Nguyễn Duy	Cường	12/10/2001	CCQ1905C				Vắng
228219	3	2120050036	Thái Xuân	Dân	16/12/2002	CCQ2005B	8.0	8.5	8.3	
228219	4	2120050004	Hồ Hoàng	Đặng	13/12/2002	CCQ2005A	8.4	8.0	8.2	
228219	5	2120050005	Bùi Trọng	Hiển	02/06/2002	CCQ2005A	7.9	8.5	8.3	
228219	6	2120050038	Dương Thành	Đạt	25/03/2002	CCQ2005B	8.0	8.5	8.3	
228219	7	2120050039	Nguyễn Tiến	Đạt	15/10/2002	CCQ2005B	8.0	8.0	8.0	
228219	8	2120050006	Võ Thanh	Hoàng	24/08/2002	CCQ2005A	8.0	6.5	7.1	
228219	9	2120050040	Nguyễn Anh	Được	22/12/2002	CCQ2005B	8.0	8.0	8.0	
228219	10	2120050007	Trần Mậu	Hòa	01/09/2002	CCQ2005A	5.0	5.0	5.0	
228219	11	2120050010	Trần Tuấn	Khải	03/02/2002	CCQ2005A	7.6	8.5	8.1	
228219	12	2120050041	Nguyễn Đình	Hoàng	05/02/2002	CCQ2005B	8.0	8.5	8.3	
228219	13	2120050009	Nguyễn Phi	Hùng	24/06/2002	CCQ2005A	7.7	8.0	7.9	
228219	14	2120050044	Nguyễn Mạnh	Hùng	10/02/2002	CCQ2005B	8.0	8.5	8.3	
228219	15	2120050042	Lê Trần Quang	Huy	05/11/2002	CCQ2005B	7.4	8.5	8.1	
228219	16	2120050011	Đỗ Tấn	Lâm	11/09/2002	CCQ2005A	7.7	7.5	7.6	
228219	17	2120050012	Hồ Nhựt	Nam	17/12/2002	CCQ2005A	4.6	6.5	5.7	
228219	18	2120050013	Nguyễn Vũ	Nguyên	08/03/2002	CCQ2005A	7.2	5.5	6.2	
228219	19	2120050014	Nguyễn Duy	Nhất	05/12/2002	CCQ2005A	7.9	8.0	8.0	
228219	20	2120050130	Đào Trần Ngọc	Lâm	20/11/2001	CCQ2005B	3.0	7.5	5.7	
228219	21	2120050047	Huỳnh Phú	Lâm	01/03/2002	CCQ2005B	7.0	7.5	7.3	
228219	22	2118050030	Nguyễn Bảo	Long	05/10/2000	CCQ1805A	7.3	8.0	7.7	
228219	23	2120050048	Lê Văn	Lợi	01/07/2002	CCQ2005B	7.7	8.5	8.2	
228219	24	2120050016	Trần Duy	Phong	16/04/2002	CCQ2005A	8.0	8.5	8.3	
228219	25	2120050049	Nguyễn Trung	Nguyên	09/09/2002	CCQ2005B	6.2	8.0	7.3	
228219	26	2120050050	Bùi Vũ Bách	Nha	20/02/2002	CCQ2005B	7.6	8.5	8.1	
228219	27	2120050051	Đinh Văn	Nhân	26/06/2002	CCQ2005B	7.5	8.5	8.1	
228219	28	2120050052	Son	Nhi	22/11/2002	CCQ2005B	6.9	6.5	6.7	

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI
HÌNH THỨC THI:.....Tự luận online.....
HỌC KỲ 1; NĂM HỌC 2021-2022
Thời gian: Từ 17/01 đến 23/01/2022

Môn học: ...Kỹ thuật lắp đặt cáp và thoát nước dân dụng.....

Nhóm: ...02.....

Ngày thi:20/01/2022..... Giờ thi:.....09:45.....

Phòng thi: ...ON40...

Giảng viên giảng dạy:Mai Văn Lê.....

MaMH	Stt	MaSV	HoLotSV	TenSV	NgaySinhC	MaLop	Điểm QT 40%	Điểm thi 60%	Điểm HP	Ghi chú
228219	29	2120050053	Nguyễn Xuân	Phú	06/09/2001	CCQ2005B	7.2	7.5	7.4	
228219	30	2120050054	Trương Bình	Phước	18/05/2001	CCQ2005B	7.3	8.0	7.7	
228219	31	2120050018	Nguyễn Hồng	Phúc	10/01/2002	CCQ2005A	8.0	8.5	8.3	

Số sinh viên có mặt: 30.....

Số bài thi: 30.....

Số sinh viên vắng mặt: 01.....

Số tờ giấy thi: 30

Ghi chú: Thầy Cô vào điểm tổng kết môn học theo danh sách này. Sinh viên nào vắng, Thầy Cô để "Vắng" ở cột ghi chú.
Thầy Cô gửi bảng điểm file excel về Khoa sau ngày thi 1 tuần.

Cán bộ coi thi 1



Mai Văn Lê

Cán bộ chấm thi 1



Mai Văn Lê

Cán bộ coi thi 2



Đặng Trung Tín

Cán bộ chấm thi 2



Đào Thanh Tâm